

Thực hiện bình đẳng giới gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số trong lực lượng vũ trang

07/06/2026 10:20

DOI: <https://doi.org/10.70786/PTOJ.2026.2271>

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, lực lượng vũ trang có nhiều cơ hội ứng dụng công nghệ trong công tác, chiến đấu, nâng cao năng lực, đồng thời cũng đối diện với nhiều rủi ro mới trên không gian mạng. Bài viết góp phần nhận diện các rủi ro, như: bạo lực giới trực tuyến, khoảng cách năng lực số, hạn chế trong tiếp cận thông tin và tham gia vào quá trình ra quyết định, cũng như những bất cập về thể chế và định kiến giới. Từ đó, đề xuất các giải pháp thực hiện lồng ghép giới trong chuyển đổi số và nâng cao năng lực số cho phụ nữ.

TS PHÙNG THỊ AN NA

*Viện Quyền con người,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, internet, nền tảng số đã trở thành không gian chiến lược và là nền tảng không thể thiếu cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong kỷ nguyên số. Tại Việt Nam, chuyển đổi số được xác định là động lực chiến lược thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững, thể hiện trong các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Chương trình chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg. Đồng thời, yêu cầu bảo đảm an ninh mạng và xây dựng môi trường số an toàn, lành mạnh ngày càng trở nên cấp thiết, được thể chế hóa trong Luật An ninh mạng năm 2025.

Bình đẳng giới được xác định là mục tiêu xuyên suốt trong chiến lược phát triển quốc gia, thể hiện trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (Chính phủ, 2021). Trong bối cảnh chuyển đổi số, bình đẳng giới không chỉ thể hiện ở quyền tiếp cận, mà còn gắn với năng lực tham gia, khả năng thích ứng và mức độ thụ hưởng của phụ nữ trong môi trường số. Thực tiễn cho thấy, chuyển đổi số vừa mở ra cơ hội mới cho phụ nữ, vừa làm gia tăng các rủi ro liên quan đến an toàn thông tin, bạo lực trên không gian mạng và khoảng cách năng lực số (Lê Hồng Việt, 2025; UN Women, 2021).

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức tổ chức, quản lý và thực thi nhiệm vụ của lực lượng vũ trang. Phụ nữ trong

lực lượng vũ trang ngày càng tham gia sâu hơn vào các lĩnh vực như an ninh mạng, phòng, chống tội phạm công nghệ cao và hoạt động gìn giữ hòa bình (Xuân Mai, Nhật Minh, 2025; Danh Trọng, 2025). Điều này cho thấy, bình đẳng giới không chỉ là yêu cầu về quyền, mà còn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của lực lượng vũ trang trong điều kiện mới (Nguyễn Hữu Minh và cộng sự, 2014; Bộ Quốc phòng, 2025).

Tuy nhiên, phụ nữ trong lĩnh vực này cũng đang đối diện với nhiều rủi ro mới mang tính đa chiều, đó là bạo lực giới trên không gian mạng, khoảng cách về năng lực số, hạn chế trong tiếp cận thông tin và tham gia ra quyết định, cũng như những định kiến giới trong môi trường số. Các rủi ro này không chỉ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của phụ nữ, mà còn tác động trực tiếp đến hiệu quả thực thi nhiệm vụ và năng lực bảo đảm an ninh quốc gia.

Hiện nay, các nghiên cứu ở Việt Nam chủ yếu tiếp cận bình đẳng giới và chuyển đổi số như hai lĩnh vực riêng biệt, trong khi sự giao thoa giữa chúng, nhất là đối với lĩnh vực quốc phòng và an ninh - chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện. Trong bối cảnh đó, việc nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với phụ nữ trong kỷ nguyên số là yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Bài viết góp phần làm rõ các thách thức mới trong chuyển đổi số, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách nâng cao năng lực số cho phụ nữ và thúc đẩy xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới (Bộ Quốc phòng, 2023; Bộ Chính trị, 2025).

2. Nội dung

2.1. Những rủi ro và thách thức đối với phụ nữ lực lượng vũ trang trong bối cảnh chuyển đổi số

Chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh, sự tham gia ngày càng sâu rộng của phụ nữ trong lực lượng vũ trang vào các hoạt động trên không gian số đã mở ra nhiều cơ hội trong thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, quá trình này đồng thời cũng nảy sinh một loạt rủi ro và thách thức mang tính đặc thù giới. Các rủi ro này không chỉ gắn với môi trường công nghệ, mà còn chịu tác động của các yếu tố thể chế, tổ chức và văn hóa trong lực lượng vũ trang - nơi đòi hỏi kỷ luật cao và yêu cầu nghiêm ngặt về bảo mật thông tin. Những rủi ro này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, phản ánh sự giao thoa giữa yếu tố công nghệ, xã hội và quan hệ giới.

Một là, rủi ro về bạo lực giới trên không gian mạng

Trong kỷ nguyên số, bạo lực giới trên không gian mạng trở thành một dạng rủi ro ngày càng phổ biến và có tác động sâu rộng đối với phụ nữ. Khác với bạo lực truyền thống, bạo lực trên môi trường số có khả năng lan truyền nhanh, khó kiểm soát và kéo dài, với các biểu hiện như quấy rối trực tuyến, xúc phạm danh dự, lan truyền thông tin sai lệch, xâm phạm đời tư và đe dọa tinh thần. Những hành vi

này không chỉ gây tổn thương trực tiếp mà còn làm suy giảm niềm tin và khả năng hiện diện công khai của phụ nữ trong không gian mạng (UN Women, 2021; Lê Hồng Việt, 2025).

Bạo lực giới trên không gian mạng thực chất là sự nổi dài và khuếch đại các bất bình đẳng giới trong môi trường thực - nơi các định kiến về vai trò và năng lực của phụ nữ tiếp tục được tái sản xuất và lan truyền với tốc độ nhanh, phạm vi rộng. Tại Việt Nam, cùng với quá trình chuyển đổi số, các rủi ro này ngày càng gia tăng, thể hiện qua các hành vi công kích mang tính giới, xâm phạm dữ liệu cá nhân, lừa đảo trực tuyến và bạo lực ngôn từ, phản ánh cả hạn chế về kỹ năng số lẫn những khoảng trống trong cơ chế bảo vệ phụ nữ (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2024; UN Women & VWEC, 2023).

Đối với phụ nữ trong lực lượng vũ trang, rủi ro này có tính nghiêm trọng hơn do đặc thù công việc gắn với thông tin bảo mật và trách nhiệm đại diện cho tổ chức. Các hành vi công kích hoặc gây nhiễu thông tin không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân mà còn tác động đến uy tín của tổ chức và hiệu quả thực thi nhiệm vụ. Bên cạnh đó, “hiệu ứng răn đe ngầm” trên không gian mạng là một rào cản tác động trực tiếp đến sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực đặc thù như quốc phòng và an ninh, khiến phụ nữ e ngại tham gia hoặc hạn chế thể hiện quan điểm, từ đó làm suy giảm vai trò và tiếng nói của họ trong lĩnh vực này.

Hai là, khoảng cách về năng lực số và khả năng thích ứng

Trong kỷ nguyên số, năng lực số trở thành yếu tố then chốt quyết định khả năng tham gia và thích ứng của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể về năng lực số giữa các nhóm xã hội, trong đó có phụ nữ. Khoảng cách này không chỉ thể hiện ở khả năng tiếp cận công nghệ mà còn ở mức độ làm chủ và ứng dụng công nghệ trong công việc (ITU, 2023; GSMA, 2019).

Tại Việt Nam, mặc dù chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh mẽ, năng lực số của phụ nữ vẫn chưa đồng đều, đặc biệt trong các lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn cao. Nhiều phụ nữ gặp khó khăn trong việc cập nhật công nghệ mới, sử dụng hiệu quả các nền tảng số và tự bảo vệ trước các rủi ro trên không gian mạng (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2024).

Đối với lực lượng vũ trang, yêu cầu về năng lực số ngày càng cao trong các lĩnh vực như an ninh mạng, phân tích dữ liệu, quản lý thông tin và chỉ huy điều hành trên nền tảng số. Mặc dù phụ nữ ngày càng tham gia tích cực, nhưng vẫn tồn tại những rào cản về đào tạo chuyên sâu, cơ hội tiếp cận vị trí kỹ thuật cao và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ (Danh Trọng, 2025; Bộ Quốc phòng, 2025).

Khoảng cách này không chỉ là vấn đề cá nhân mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả tổ chức. Nếu không được thu hẹp, sẽ hạn chế khả năng tham gia thực chất của phụ nữ trong các nhiệm vụ gắn với công nghệ, từ đó ảnh hưởng đến mục tiêu hiện đại hóa lực lượng vũ trang.

Ba là, hạn chế trong tiếp cận thông tin và tham gia vào quá trình ra quyết định

Trong kỷ nguyên số, khả năng tiếp cận thông tin và tham gia vào quá trình ra quyết định là yếu tố quan trọng phản ánh mức độ tham gia thực chất của các chủ thể xã hội. Tuy nhiên, phụ nữ vẫn gặp những rào cản nhất định, đặc biệt trong các lĩnh vực có tính đặc thù cao như quốc phòng, an ninh.

Ngày nay, phụ nữ ngày càng tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, nhưng việc phấn đấu để đạt được các vị trí lãnh đạo, quản lý, hay tham gia hoạch định chính sách vẫn còn khá khiêm tốn so với tiềm năng và lực lượng lao động nữ đông đảo. Điều này phản ánh sự chênh lệch giữa “tham gia” và “tham gia có ảnh hưởng”, đặc biệt trong môi trường số, nơi thông tin gắn chặt với quyền lực (UN Women, 2015).

Trong thực tế, phụ nữ chưa có nhiều cơ hội tiếp cận với các hệ thống dữ liệu, nền tảng hỗ trợ ra quyết định hoặc các lĩnh vực chuyên môn có tính chiến lược. Bên cạnh đó, các rào cản về năng lực số, định kiến giới và cơ hội phát triển nghề nghiệp tiếp tục làm hạn chế khả năng tham gia của phụ nữ (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2024; GSMA, 2019).

Trong bối cảnh chuyển đổi số, khi các hệ thống điều hành và ra quyết định ngày càng dựa trên dữ liệu, việc thiếu vắng tiếng nói của phụ nữ có thể làm giảm tính đa chiều và hiệu quả của chính sách, đồng thời hạn chế khả năng tận dụng nguồn lực nữ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Bốn là, thách thức về thể chế do thiếu đồng bộ trong lồng ghép giới vào các chính sách chuyển đổi số và an ninh mạng

Mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách về chuyển đổi số và bình đẳng giới, nhưng việc tích hợp hai lĩnh vực này trong thực tiễn vẫn còn những khoảng trống nhất định (Chính phủ, 2020; Chính phủ, 2021; Bộ Chính trị, 2025). Các chính sách chuyển đổi số hiện nay chủ yếu tập trung vào hạ tầng công nghệ và hiệu quả quản lý, trong khi yếu tố giới chưa được xem xét đầy đủ. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ tái làm gia tăng bất bình đẳng nếu không có cách tiếp cận nhạy cảm giới.

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, thách thức này càng rõ nét khi các chính sách ưu tiên yêu cầu kỹ thuật và bảo mật, trong khi việc nhận diện các rủi ro đặc thù đối với phụ nữ chưa được chú trọng đầy đủ. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp trong hoạch định và thực thi chính sách chuyển đổi số và bình đẳng giới còn thiếu liên thông, làm giảm hiệu quả triển khai. Việc chưa quan tâm đầy đủ đến yếu tố giới trong hoạch định chính sách không chỉ ảnh hưởng đến quyền của phụ nữ mà còn làm giảm tính bao trùm và hiệu quả của quá trình chuyển đổi số, từ đó tác động đến năng lực bảo đảm an ninh trong dài hạn.

Năm là, thách thức về định kiến giới trong môi trường số

Định kiến giới vẫn là một trong những rào cản đối với sự tham gia của phụ nữ trong môi trường số. Các định kiến về vai trò và năng lực của phụ nữ không chỉ tồn tại trong đời sống thực mà còn bị khuếch đại thông qua các nền tảng số, thể hiện qua các hình thức đánh giá thiên lệch, công kích mang tính giới và biểu hiện coi nhẹ vai trò của phụ nữ.

Tại Việt Nam, mặc dù Đảng, Nhà nước đã đặc biệt quan tâm thực hiện bình đẳng giới, nhưng định kiến giới trong xã hội truyền thống vẫn ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi trong môi trường số. Điều này có thể làm suy giảm sự tự tin và hạn chế cơ hội phát triển của phụ nữ, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ và an ninh (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2024). Đáng chú ý, trong kỷ nguyên số, định kiến giới không chỉ tồn tại ở cấp độ xã hội mà còn bị khuếch đại thông qua cơ chế lan truyền thông tin và hiệu ứng đám đông. Điều này làm gia tăng tác động của định kiến và kéo dài ảnh hưởng của nó đối với hành vi và lựa chọn nghề nghiệp của phụ nữ. Nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời, các định kiến này sẽ tiếp tục cản trở việc phát huy nguồn lực nữ, làm suy giảm tính bao trùm của chuyển đổi số và hạn chế khả năng đóng góp của phụ nữ trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2.3. Định hướng giải pháp bảo đảm bình đẳng giới gắn với chuyển đổi số trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Từ các rủi ro và thách thức đã phân tích, việc bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh gắn với chuyển số cần được tiếp cận theo hướng hệ thống, đồng bộ và đa chủ thể. Đây không chỉ là yêu cầu về quyền, mà còn là điều kiện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả quản trị và năng lực bảo đảm an ninh trong bối cảnh chuyển đổi số.

Một là, đối với các cơ quan hoạch định chính sách

Cần xác định rõ, việc bảo đảm bình đẳng giới trong chuyển đổi số, đặc biệt trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh là vấn đề có tính chiến lược đối với năng lực quản trị quốc gia. Nếu chính sách không nhận diện đầy đủ các khác biệt và rủi ro theo giới, quá trình chuyển đổi số có thể đạt tiến bộ về công nghệ nhưng thiếu tính bao trùm và bền vững.

Do đó, cần hoàn thiện thể chế theo hướng lồng ghép giới một cách thực chất trong toàn bộ quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, chương trình về chuyển đổi số và an ninh mạng. Việc lồng ghép phải được thực hiện ngay từ khâu thiết kế chính sách thông qua đánh giá tác động giới, bảo đảm các tiêu chí về cơ hội, điều kiện, năng lực và thụ hưởng (Bộ Quốc phòng, 2023). Điều này đòi hỏi chuyển từ cách tiếp cận coi bình đẳng giới là mục tiêu xã hội sang là một yếu tố cấu trúc của quản trị số và an ninh quốc gia.

Bên cạnh đó, cần khắc phục sự tách rời giữa chính sách chuyển đổi số và chính sách bình đẳng giới, tăng cường tích hợp nhằm xử lý hiệu quả các vấn đề mới như

an toàn số cho phụ nữ, bạo lực mạng và khoảng cách năng lực số. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ phụ nữ trên không gian mạng theo hướng rõ trách nhiệm, kịp thời và hiệu quả (Quốc hội, 2025).

Nâng cao kỹ năng công nghệ cho phụ nữ, xác định phụ nữ là chủ thể quan trọng trong chuyển đổi số. Song song với đó, cần xây dựng hệ thống dữ liệu và cơ chế giám sát có phân tách giới nhằm đánh giá đúng mức độ tham gia và thụ hưởng của phụ nữ. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao tính bao trùm của chuyển đổi số, cải thiện chất lượng chính sách và tăng cường năng lực bảo đảm an ninh trong môi trường số.

Hai là, đối với lực lượng vũ trang

Trong bối cảnh chuyển đổi số, bình đẳng giới cần gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Việc phát huy vai trò của phụ nữ không chỉ mang ý nghĩa về bình đẳng giới, mà còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

Trước hết, cần ưu tiên nâng cao năng lực số cho phụ nữ thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ, an ninh mạng và phân tích dữ liệu, gắn với yêu cầu thực tiễn của từng lĩnh vực công tác (Danh Trọng, 2025; Bộ Quốc phòng, 2025). Đồng thời, cần mở rộng cơ hội để phụ nữ tiếp cận các vị trí lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực chuyên môn trọng điểm, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ.

Cần xây dựng môi trường làm việc an toàn trên không gian mạng trong nội bộ lực lượng, với các cơ chế phòng ngừa và xử lý kịp thời các hành vi quấy rối hoặc công kích. Đồng thời, cần phát huy vai trò chủ động của phụ nữ trong các lĩnh vực mới như an ninh mạng, phòng, chống tội phạm công nghệ cao và gìn giữ hòa bình.

Việc triển khai các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao năng lực tổng thể của lực lượng vũ trang trong điều kiện chuyển đổi số. Trong bối cảnh chuyển đổi số, cần gắn bình đẳng giới với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Việc phát huy vai trò của phụ nữ không chỉ mang ý nghĩa về bình đẳng, mà còn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

Ba là, đối với các cơ sở đào tạo và nghiên cứu

Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành năng lực số và nhận thức về bình đẳng giới. Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu đặt ra là đổi mới nội dung và phương thức đào tạo theo hướng tích hợp kỹ năng số với yếu tố giới. Cần tăng cường đào tạo về công nghệ, an ninh mạng và kỹ năng xử lý thông tin trong môi trường số, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện và phòng tránh rủi ro như bạo lực mạng và xâm phạm dữ liệu. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh nghiên cứu về bình đẳng giới trong kỷ nguyên số, đặc biệt trong lĩnh vực

quốc phòng, an ninh, nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho xây dựng chính sách. Đồng thời, cần thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý và các đơn vị thực tiễn để bảo đảm nội dung đào tạo gắn với yêu cầu nhiệm vụ. Điều này sẽ góp phần hình thành nguồn nhân lực có năng lực số, có nhận thức về giới và khả năng thích ứng cao với môi trường mới.

Bốn là, đối với các tổ chức xã hội và truyền thông

Các tổ chức xã hội và cơ quan báo chí, truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nhận thức và tạo dựng môi trường xã hội thuận lợi cho bình đẳng giới trong kỷ nguyên số. Cần đẩy mạnh các hoạt động nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và an toàn số, đồng thời hỗ trợ phụ nữ phát triển năng lực số và kỹ năng tự bảo vệ trên không gian mạng (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2024). Các cơ quan báo chí, truyền thông cần tăng cường tuyên truyền về phòng, chống bạo lực trên không gian mạng và định hướng dư luận theo hướng giảm thiểu định kiến giới. Cần phát huy vai trò giám sát xã hội trong việc phát hiện và phản ánh các hành vi xâm hại, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách và xây dựng môi trường số an toàn, bình đẳng.

Năm là, đối với phụ nữ trong lực lượng vũ trang

Trong bối cảnh chuyển đổi số, phụ nữ trong lực lượng vũ trang cần phát huy vai trò chủ thể, chủ động nâng cao năng lực và thích ứng với môi trường mới. Đây là yếu tố quyết định trong việc chuyển hóa cơ hội thành năng lực thực tiễn. Cần chủ động nâng cao năng lực số, cập nhật kiến thức công nghệ và rèn luyện kỹ năng làm việc trong môi trường số, đồng thời trang bị kỹ năng nhận diện và ứng phó với các rủi ro trên không gian mạng. Bên cạnh đó, cần tích cực tham gia vào các hoạt động chuyên môn, quản lý và hoạch định chính sách nhằm khẳng định vai trò và vị thế của mình. Sự chủ động của phụ nữ trong lực lượng vũ trang, kết hợp với các chính sách hỗ trợ phù hợp, sẽ tạo ra chuyển biến thực chất trong bảo đảm bình đẳng giới, góp phần nâng cao năng lực bảo đảm hòa bình, an ninh và phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số, phụ nữ trong lực lượng vũ trang đang đối mặt với nhiều rủi ro mới mang tính đa chiều. Do vậy, bảo đảm bình đẳng giới trong kỷ nguyên số cần được tiếp cận theo hướng hệ thống, gắn với lồng ghép giới trong chính sách chuyển đổi số, nâng cao năng lực số cho phụ nữ và mở rộng sự tham gia của phụ nữ vào các quá trình ra quyết định. Các giải pháp cần được triển khai đồng bộ theo nhiều chủ thể, từ Nhà nước, lực lượng vũ trang, cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội đến bản thân phụ nữ.

Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện chính sách bình đẳng giới trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời nhấn mạnh rằng việc phát huy vai trò của phụ nữ không chỉ là yêu cầu về công bằng xã hội, mà còn

là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường năng lực bảo đảm hòa bình, an ninh và thúc đẩy phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Ngày nhận bài: 28/3/2026; Ngày bình duyệt: 6/5/2026; Ngày quyết định đăng: 02/6/2026.

Email tác giả: phunganna81@gmail.com

Tài liệu tham khảo

Bộ Quốc phòng (2024). Báo cáo tổng kết công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới trong quân đội năm 2024.

Bộ Chính trị (2025). Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Bộ Quốc phòng (2023). Báo cáo số 2236/BC-BQP về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

Bộ Quốc phòng (2025). Báo cáo tại Đại hội đại biểu Phụ nữ Quân đội lần thứ VIII.

Chính phủ (2021). Nghị quyết số 28/NQ-CP về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

Danh Trọng (2025). *Bình đẳng giới là yếu tố nền tảng để xây dựng lực lượng Cảnh sát gìn giữ hòa bình*. Báo Tuổi trẻ điện tử. <https://tuoitre.vn>.

GSMA (2019). The Mobile Gender Gap Report 2019. GSMA Intelligence.

ITU (International Telecommunication Union). (2023). Measuring digital development: Facts and figures.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2022). Báo cáo về kết quả Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII tại Hội nghị Báo cáo viên Trung ương.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2024). Bình đẳng giới trong chuyển đổi số ở Việt Nam.

Lê Anh (2025). Lan tỏa thông điệp an toàn số, bình đẳng giới cho phụ nữ và trẻ em gái trong kỷ nguyên số. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn>.

Lê Hồng Việt (2025). *An toàn cho phụ nữ trên không gian mạng: Thực trạng và định hướng giải pháp tại Việt Nam*. Tạp chí Quản lý nhà nước.

Nguyễn Hữu Minh và cộng sự (2014). *Bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách*. Nxb Khoa học xã hội.

Quốc hội. (2025). Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.

UN Women & Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam (VWEC). (2023). *Sổ tay an ninh mạng dành cho nữ lãnh đạo. Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women)*.

UN Women (2021). *Measuring online violence against women and girls*. United Nations.

UN Women. (2015). *Preventing conflict, transforming justice, securing the peace: A global study on UNSCR 1325*.

Xuân Mai, Nhật Minh (2025). *Phụ nữ Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao tiên phong, sáng tạo trong công tác chuyển đổi số. Báo Công an nhân dân điện tử*. <https://cand.com.vn>.